**DỰ THẢO**

**NỘI QUY CẢNG BIỂN**

**THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH ĐỒNG NAI, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVHHĐN*

*ngày / /2024 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại cảng biển Đồng Nai và cảng biển Bình Dương trên cơ sở quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015 và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây gọi tắt là “Nghị định số 58/2017/NĐ-CP”) và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Đồng Nai và cảng biển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “vùng nước cảng biển”) và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai theo công bố của Bộ Giao thông vận tải.

*(Thông tư công bố vùng nước cảng biển, hải đồ vùng nước, bản vẽ giới hạn phạm vi vùng nước cảng biển và các thông tin liên quan nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Nội quy này)*

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại các cảng biển Đồng Nai và cảng biển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “cảng biển”).

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

**Điều 3.** **Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan quản lý chuyên ngành tại cảng biển**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Đồng Nai và cảng biển Bình Dương là Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Cảng vụ hàng hải”) có trụ sở chính và các văn phòng đại diện như sau:

a) Trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

- Địa chỉ: Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 02513 832 134; Fax: 02513 832 135

- Điện thoại trực ban: +84 (0) 909 639 646

- Email: cangvudongnaipc@gmail.com hoặc [pscdongnai@gmail.com](mailto:pscdongnai@gmail.com)

- Website: https://cangvuhanghaidongnai.gov.vn

b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Phước Thái

- Địa chỉ: Ấp 1C, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại trực ban: +84 (0) 918 148 375

- Email: daidienphuocthai@gmail.com

c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Nhơn Trạch

- Địa chỉ: Ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại trực ban: +84 (0) 932 170 836

- Email: daidiennhontrachcvdn@gmail.com

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển nêu tại Phụ lục 4 kèm theo Nội quy này.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Thông tin liên lạc**

1. Phương thức liên lạc

a) Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền liên lạc với Cảng vụ hàng hải qua địa chỉ, điện thoại, fax, hộp thư điện tử quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nội quy này hoặc bằng hình thức phù hợp khác;

b) Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

- Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài khi đến, lưu lại và rời cảng biển phải duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải trên các kênh VHF được chỉ định; trường hợp không được chỉ định, phải duy trì sự liên lạc trên kênh trực canh - kênh 16. Riêng kênh 13 và các kênh được chỉ định khác là các kênh làm việc;

- Tên tàu thuyền hoặc tên tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc với nhau;

- Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng tới hoạt động của Cảng vụ hàng hải trên kênh 13;

- Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân, tàu thuyền thực hiện các cuộc gọi bình thường trên kênh 16 trong thời gian có tín hiệu cấp cứu hoặc thông tin khẩn cấp phát trên kênh này.

c) Tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ hàng hải qua các đài thông tin duyên hải;

d) Ngôn ngữ sử dụng khi liên lạc VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

2. Thông tin liên lạc với Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải

Các tàu khi vào vùng nước cảng biển khi hoạt động tại các vùng của hệ thống VTS ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 63, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thì phải thực hiện việc thông báo với trung tâm VTS các nội dung cụ thể trong Quy chế hoạt động hệ thống VTS.

a) Vị trí, địa điểm, kênh liên lạc, nội dung thông báo thực hiện theo Quy chế hoạt động hệ thống VTS;

b) Các tàu trong khi thực hiện việc giao tiếp bằng VHF, tránh làm nhiễu hoặc sử dụng các kênh VHF mà hệ thống VTS đã quy định để liên lạc;

c) Các thay đổi hoặc bổ sung, mở rộng về vùng hoạt động, kênh làm việc của hệ thống VTS quy định tại Điều này thực hiện theo Quy chế hoạt động hệ thống VTS được ban hành.

**Mục 2**

**THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển**

1. Tàu thuyền đến cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Mục 1, Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tất cả các loại tàu thuyền chỉ được hoạt động tại các cảng biển, bến cảng, cầu cảng đã được công bố đưa vào sử dụng và phù hợp với công năng của cảng biển, bến cảng, cầu cảng đó.

3. Các tàu thuyền khi đi qua cầu đường bộ Long Thành, cầu đường bộ Nhơn Trạch (trên sông Đồng Nai) để vào, rời các bến cảng thuộc khu vực tỉnh Đồng Nai hoặc tỉnh Bình Dương kể cả các bến cảng thủy nội địa phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không và khổ thông thuyền đảm bảo hành trình an toàn khi qua cầu với giới hạn thông báo tĩnh không là 30m, 2 khoang thuyền, mỗi khoang rộng 60m.

4. Các tàu thuyền khi đi qua cầu đường bộ Phước An, đường dây điện cao thế (trên sông Thị Vải) để vào, rời các bến cảng khu vực thượng lưu sông Thị Vải phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không sao cho đảm bảo hành trình an toàn khi chiều cao tĩnh không thông báo khu vực này là 55m.

5. Các tàu thuyền khi đi qua cầu đường bộ Phước Khánh (trên sông Lòng Tàu) để vào, rời các bến cảng thuộc khu vực Nhơn Trạch phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không và khổ thông thuyền đảm bảo hành trình an toàn khi qua cầu với giới hạn tĩnh không thông báo là 55m, khổ thông thuyền sẽ được cập nhật khi có thông báo chính thức từ cầu đường bộ Phước Khánh.

6. Các tàu thuyền khi đi qua đường dây điện cao thế trên sông Đồng Nai, sông Soài Rạp, sông Lòng Tàu để vào/rời các bến cảng thuộc khu vực Nhơn Trạch và các bến cảng thuộc khu vực sông Đồng Nai phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không sao cho đảm bảo an toàn khi chiều cao tĩnh không thông báo của các đường dây điện cao thế khu vực này là 55m.

7. Khu neo đậu, tránh bão cho tàu thuyền vào cảng biển là giới hạn tại các khu vực được quy định cụ thể như sau:

a) Khu neo Nhà Bè

Có 4 vị trí neo thuộc quyền quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai như sau: NB-14, NB-15, NB-16, NB-17.

b) Khu neo đậu tàu trên sông Thị Vải

Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải “70” lên thượng lưu sông Thị Vải đến khu vực cách hạ lưu cầu đường bộ Thị Vải 300m.

c) Khu neo đậu tàu trên sông Đồng Nai

Có 8 điểm neo nằm bên phải luồng hàng hải Đồng Nai đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “37” đến phao báo hiệu hàng hải số “39” như sau: V1, V2, V3, V4, V5, V6, V7, V8.

d) Ngoài khu neo đậu nằm trong vùng nước cảng biển thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải Đồng Nai, tàu thuyền vào, rời cảng biển được bố trí neo đậu tại Khu neo Vũng Tàu được quy định tại Nội quy cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu do Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu ban hành.

8. Ngoài quy định trên, tất cả các loại tàu thuyền không phân biệt quốc tịch, trọng tải và mục đích sử dụng chỉ được phép vào cảng biển thuộc quyền quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai khi chiều dài, mớn nước, trọng tải phù hợp với điều kiện cho phép của luồng, cầu cảng, khu neo đậu đã được công bố. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

9. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

10. Phương tiện thuỷ nội địa, tàu cá được điều động vào neo đậu tại các vị trí theo chỉ định của Cảng vụ hàng hải.

**Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền**

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP hoặc quy định liên quan về thủ tục điện tử cho tàu thuyền.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải chấp hành chế độ thông báo, xác báo theo: Quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải khu vực cảng biển Vũng Tàu - Sài Gòn - Đồng Nai - Mỹ Tho và Quy chế tạm thời quản lý hoạt động của Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải trong vùng nước cảng biển Đồng Nai - đoạn từ thượng lưu cầu cao tốc Long Thành đến hạ lưu cầu đường bộ Đồng Nai (sau đây được gọi là hệ thống VTS).

**Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển**

1. Thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển và tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia qua sông Tiền thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 4 và Mục 5 của Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Việc thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2023/NĐ-CP, Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục điện tử.

4. Địa điểm làm thủ tục:

a) Tại Trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai: Tất cả loại tàu thuyền kể cả các tàu thuyền quy định tại điểm b, điểm c của khoản này khi có yêu cầu làm thủ tục tại trụ sở chính;

b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Phước Thái: tàu biển hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa vào, rời bến cảng trên sông Thị Vải thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai;

c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Nhơn Trạch: tàu thuyền vào, rời bến cảng nằm trên sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai.

**Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển**

**(***Các Thông tư hướng dẫn các thủ tục được nêu tại Điều này và các Điều khác tại Nội Quy được nêu tại Phụ lục 3 đính kèm***)**

1. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan. Đối với dự án nạo vét thủy diện cảng, dự án nạo vét duy tu luồng sử dụng ngân sách nhà nước, dự án nạo vét xã hội hóa ngoài các quy định điều này cần thực hiện theo quy định liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động được pháp luật quy định.

5. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 9, Điều 113, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

6. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 118, Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

7. Thủ tục đăng ký, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

8. Thủ tục liên quan đến tiếp nhận, trao đổi nước dằn tàu: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định của Bộ Giao thông vận tải liên quan đến tiếp nhận, trao đổi, thanh thải nước dằn tàu từ tàu thuyền tại cảng biển và quy định khác liên quan của pháp luật.

9. Thủ tục tàu thuyền đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử, neo chờ: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 98, Mục 4, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

10. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải: Các tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện việc trình kháng nghị hàng hải theo quy định tại các Điều: 118, 119, 120, 121 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

11. Thủ tục thẩm định - phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

12. Thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

13. Thủ tục phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa và Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

14. Địa điểm làm thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển:

- Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, xử lý các thủ tục hành chính khác tại Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Phước Thái và Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai tại Nhơn Trạch được thực hiện theo Quyết định về chức năng quyền hạn của các đại diện;

- Trụ sở chính thực hiện tất cả các thủ tục trên.

**Mục 3**

**HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải**

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải được thể hiện dưới các hình thức sau:

a) Kế hoạch điều động tàu;

b) Lệnh điều động, bao gồm cả điều động điện tử;

c) Giấy phép chạy thử tàu;

d) Giấy phép rời cảng;

e) Giấy phép vào/rời cảng biển (cho phương tiện thủy nôi địa);

f) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện, Thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải và giải thích lý do để kịp thời xử lý.

3. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được Cảng vụ hàng hải cập nhật tại website https://cangvuhanghaidongnai.gov.vn.

**Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành đúng quy định của Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền ban hành theo Thông tư hướng dẫn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền khi hành trình cùng chiều không được đi gần nhau hoặc thành hàng ngang mà phải đi theo hàng một và luôn giữ khoảng cách an toàn đối với tàu thuyền đi trước, đi sau và các tàu thuyền khác;

2. Các tàu hoạt động trong khu vực cụm cảng Gò Dầu không được cập và rời cầu cùng lúc mà phải cách nhau ít nhất là 30 phút để cho tàu được cập, rời cầu có đủ không gian và thời gian điều động;

3. Các tàu khi hành trình trên luồng, phải tuân thủ chỉ dẫn của báo hiệu hàng hải. Ngoài ra khi nhận được các hướng dẫn hay cảnh báo an toàn từ Trung tâm điều hành hệ thống VTS, thì thực hiện theo các hướng dẫn, cảnh báo của Trung tâm điều hành hệ thống VTS;

4. Để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thuyền trưởng của tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải thực hiện các quy định sau:

a) Chấp hành chính xác, kịp thời lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải; trường hợp không thể thực hiện ngay thì phải thông báo Giám đốc Cảng vụ hàng hải để xử lý;

b) Khi hành trình trên luồng, tàu thuyền phải duy trì tốc độ phù hợp nhằm bảo đảm an toàn, đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: luồng hẹp, khu quay trở, nơi đang có hoạt động ngầm dưới nước, thi công công trình, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ hàng hoá, neo đậu và điều động của tàu thuyền;

c) Nếu điều kiện thực tế cho phép và đảm bảo an toàn, phải bám sát mép bên phải của luồng. Nghiêm cấm tàu thuyền hành trình cắt ngang qua luồng hoặc cắt hướng gây trở ngại cho tàu thuyền khác đang hành trình trên luồng;

d) Tàu thuyền nhỏ nếu có thể hành trình an toàn ngoài luồng thì không được gây trở ngại đến hành trình của tàu thuyền lớn chỉ có thể hành trình an toàn trong phạm vi giới hạn của luồng;

e) Không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông hay các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn của tàu mình và các tàu thuyền khác, đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn;

f) Tàu thuyền trước khi vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc người làm thủ tục phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải.

5. Tốc độ và hành trình tàu thuyền trên luồng hàng hải để vào, rời cảng biển cần tuân thủ các yêu cầu sau:

a) Tốc độ và hành trình tàu thuyền trên luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu, Soài Rạp thuộc vùng nước quản lý Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh để vào, rời khu neo Nhà Bè hoặc các bến cảng khu vực Nhơn Trạch tuân thủ theo quy định tại Nội quy cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành (được trích lục tại phụ lục 3 kèm theo);

b) Tốc độ và hành trình tàu thuyền trên luồng Vũng Tàu – Thị Vải thuộc vùng nước quản lý Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu để vào, rời bến cảng, khu neo đậu khu vực Phước An, Gò Dầu tuân thủ theo quy định tại Nội quy cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu ban hành (được trích lục tại phụ lục 3 kèm theo).

**Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu**

Tàu thuyền neo đậu trong vùng neo thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải phải chấp hành theo quy định tại Điều 65, Mục 1, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

1. Các khu neo đậu, tránh bão cho tàu thuyền vào cảng biển được quy định tại khoản 7, Điều 5 Chương II tại Nội quy này.

2. Tàu thuyền có nhu cầu neo đậu phải có “Giấy xin vị trí neo” được gửi trực tiếp hoặc qua hộp thư điện tử tới Cảng vụ hàng hải theo địa chỉ được nêu tại Điều 3 của Nội quy này chậm nhất 2 giờ trước khi tàu thuyền điều động vào vị trí neo đậu. Trong giấy xin vị trí neo phải thể hiện được các thông số cơ bản như sau: tên tàu thuyền, quốc tịch, hô hiệu, GRT, DWT, LOA, Draft, lượng hàng hóa trên tàu, thời gian dự kiến (đến và rời khu neo), số điện thoại liên hệ, mục đích neo đậu, tên đại lý (nếu có).

3. Tàu thuyền phải neo đúng vị trí đã được chỉ định. Các phương tiện thủy nội địa, tàu thuyền cấp nhiên liệu hoặc các tàu thuyền nhỏ khác khi chưa được chấp thuận của Cảng vụ hàng hải không được cập mạn tàu đang neo làm gây mất trật tự an toàn, an ninh hàng hải.

4. Thuyền trưởng phải có trách nhiệm xác báo lại cho Cảng vụ hàng hải biết thời gian ngay khi tàu thuyền đã neo đậu an toàn tại vị trí được chỉ định hoặc khi tàu rời vị trí neo để vào bến cảng làm hàng hoặc đi tới khu vực cảng khác.

5. Tàu thuyền có thể xin thay đổi vị trí neo đậu khác với vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định khi có lý do hợp lý và chỉ được điều động tới vị trí mới khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.

6. Tàu thuyền không được neo đậu trong phạm vi luồng hàng hải, tại các vị trí có thể gây mất an toàn: khu vực có bến phà, bến đò chở khách ngang sông, dưới các đường dây điện cao thế, dưới các cầu bắc ngang sông. Trường hợp bất khả kháng buộc phải thả neo khẩn cấp thì thuyền trưởng phải ngay lập tức báo cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS và Cảng vụ hàng hải biết vị trí của tàu mình, sau đó phải khẩn trương khắc phục sự cố để giải tỏa vị trí này.

7. Khi neo đậu trong vùng nước cảng biển phải đảm bảo duy trì tối thiểu 2/3 số lượng thuyền viên với chức danh phù hợp theo Khoản 2, Điều 69, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và phải đảm bảo các chức danh theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

8. Phương tiện thủy nội địa chỉ được neo đậu, tập kết tại các khu neo quy định và không gây cản trở đến việc hành trình của các tàu thuyền.

**Điều 12. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền**

1. Trừ tàu công vụ, tàu hoa tiêu đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp, cấm tàu thuyền cập mạn tàu thuyền khác khi chưa được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.

2. Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 115, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, thông tư hướng dẫn và các yêu cầu sau đây:

a) Tàu thuyền cập mạn tàu để cấp nhiên liệu, chuyển tải xăng dầu hay các loại hàng nguy hiểm khác chỉ được cập mạn hàng một và phải có giấy phép cập mạn (áp dụng cho tàu biển cập mạn) hoặc giấy phép vào/rời cảng biển (áp dụng cho phương tiện thủy nội địa cập mạn);

b) Tàu thuyền cập mạn nhau phải có sự thỏa thuận của 2 thuyền trưởng và áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn khi cập mạn;

c) Đối với Bến cảng Long Thành và cầu cảng số 2 thuộc Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu A) các tàu thuyền chỉ được phép cập mạn hàng một.

3. Hoạt động cập mạn, cập cầu và neo đậu tại bến cảng của tàu thuyền tuân thủ theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển, Tiêu chuẩn cơ sở: “Quy trình khai thác kỹ thuật công trình cảng biển và khu nước” liên quan được cơ quan thẩm quyền công bố.

**Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền**

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

Thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

a) Trước khi khởi hành, thuyền trưởng tàu vận chuyển hành khách có trách nhiệm phân công, chỉ đạo nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải;

b) Hàng năm, chủ tàu vận chuyển hành khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra;

c) Các đèn trang trí (nếu có) trên tàu nhà hàng – du lịch, tàu chở khách phải được thiết kế và sử dụng sao cho không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tính năng, tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa đối với các báo hiệu hàng hải hoặc bất kỳ đèn hiệu, dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

2. Hoạt động của du thuyền

Hoạt động của du thuyền, thuyền viên làm việc trên du thuyền và bến neo đậu trên du thuyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 14. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển**

1. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thi công công trình trong vùng nước cảng biển chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Đối với hoạt động nạo vét: lập Phương án bảo đảm an toàn giao thông trình hoặc Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt theo quy định hiện hành;

b) Đối với hoạt động thi công công trình trong vùng nước cảng biển: lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Tàu thuyền trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, thi công công trình trong vùng nước cảng biển phải thực hiện thủ tục xin phép hoạt động và được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Trong quá trình tiến hành hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thi công công trình trong vùng nước cảng biển chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân và tàu thuyền liên quan phải chấp hành Phương án bảo đảm an toàn giao thông, Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được Cảng vụ Hàng hải phê duyệt và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Mục 4**

**DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI**

**Điều 15. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định có liên quan khác của pháp luật

**Điều 16. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu**

Tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 17. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu**

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang bị các thiết bị cứu sinh theo quy định.

**Điều 18. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu**

1. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, Hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng VHF cho Trung tâm VTS biết những nội dung sau:

a) Thời điểm lên tàu, thời điểm bắt đầu và kết thúc thực hiện việc dẫn tàu ngay sau khi lên tàu và ngay trước khi chuẩn bị rời tàu;

b) Tình hình dẫn tàu, những thay đổi có tính chất nguy hiểm, ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển và những tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra với tàu do mình dẫn hoặc phát hiện được trong quá trình dẫn tàu;

c) Trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và chậm nhất 24 giờ sau khi trở lại bờ phải gửi báo cáo bằng văn bản về sự việc xảy ra cho Cảng vụ hàng hải. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu, tên tàu, diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã được tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có);

d) Khi có nhiều tàu cùng tiếp cận vùng đón trả hoa tiêu, hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm liên lạc, trao đổi thông tin với nhau và với Trung tâm VTS để kịp thời có chỉ dẫn, khuyến cáo phù hợp;

e) Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

**Điều 19. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu**

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải về việc tự dẫn tàu và xuất trình các giấy tờ chứng minh theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải.

**Điều 20. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng**

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng.

Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, công nhân buộc cởi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

**Mục 5**

**LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**

**Điều 21. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ**

1. Trong điều kiện hành hải bình thường, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có chiều dài lớn nhất (LOA) từ 80m trở lên khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, bến phao hoặc quay trở, di chuyển vị trí neo đậu trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, bến phao phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến dưới 95m: ít nhất 01 tàu lai với công suất tối thiểu 500 sức ngựa;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 95m đến dưới 120m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu 500 sức ngựa mỗi tàu;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 120m đến dưới 145m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 500 và 1.000 sức ngựa;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 145m đến dưới 160m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.000 sức ngựa;

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 160m đến dưới 175m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 1.000 và 1.500 sức ngựa.

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175m đến dưới 190m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.500 sức ngựa;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190m đến dưới 205m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 1.500 và 2.000 sức ngựa;

h) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 205m đến dưới 225m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 2.000 sức ngựa;

i) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 225m đến dưới 250m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 3.000 sức ngựa;

k) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m đến dưới 300m: ít nhất 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 4.000 sức ngựa;

l) Tàu thuyền có chiều dài từ 300m trở lên: ít nhất 03 tàu lai với tổng công suất tối thiểu trên 12.000 sức ngựa, trong đó có ít nhất 01 tàu lai có công suất lớn hơn 5.000 sức ngựa.

m) Sà lan không tự hành, ngoài sử dụng tàu lai của chính mình, phải bố trí thêm 01 tàu lai khác với công suất như sau:

- Đối với Sà lan có tải trọng từ 5,000 DWT đến 10,000 DWT phải sử dụng ít nhất 01 tàu lai có công suất tối thiểu là 1,000 HP;

- Đối với Sà lan có tải trọng từ 10,000 DWT đến 15,000 DWT phải sử dụng ít nhất 01 tàu lai có công suất tối thiểu là 1,500 HP;

- Đối với Sà lan có tải trọng từ 15,000 DWT đến 20,000 DWT phải sử dụng ít nhất 01 tàu lai có công suất tối thiểu là 2,000 HP.

2. Tàu thuyền có chiều dài trên 190 mét và mớn nước từ 10 mét trở lên phải sử dụng tàu lai có công suất tối thiểu 1,2 lần công suất tàu lai quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tàu thuyền di chuyển dọc cầu cảng bằng tời kéo dây của tàu không phải sử dụng tàu lai dắt. Trường hợp xét thấy cần thiết, các tàu thuyền này và tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80m cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

4. Trong điều kiện hành hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quy định cụ thể số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền khi điều động rời, cập cầu, bến phao trên cơ sở tham khảo ý kiến của thuyền trưởng và tổ chức hoa tiêu hàng hải liên quan.

**Điều 22. Miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ**

Đối với tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét miễn hoặc giảm số lượng, công suất tàu lai hỗ trợ trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng, khuyến nghị bằng văn bản của hoa tiêu dẫn tàu và các điều kiện thực tế khác.

**Điều 23. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai**

1. Thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải biết việc cung cấp tàu lai chậm trễ hoặc không đủ số lượng, công suất, loại tàu lai hỗ trợ theo quy định.

2. Trước khi đến vị trí thỏa thuận sử dụng dịch vụ lai dắt, thuyền trưởng tàu lai và thuyền trưởng tàu được lai phải trao đổi, thống nhất phương pháp lai hỗ trợ; vị trí để buộc dây lai hoặc vị trí lai đẩy, nếu tàu được lai có những vị trí đặc biệt để sử dụng cho việc tàu lai đẩy thì phải thông báo cho thuyền trưởng tàu lai biết.

3. Trường hợp tàu được lai có hoa tiêu dẫn tàu ở trên tàu, thuyền trưởng có thể trao đổi, ủy quyền cho hoa tiêu liên lạc với thuyền trưởng tàu lai. Hoa tiêu được bố trí dẫn đoàn lai phải có hạng phù hợp với chiều dài đoàn lai bao gồm cả chiều dài dây lai.

4. Sử dụng dây lai dắt phải phù hợp và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

5. Dây mồi phải chuẩn bị sẵn sàng để sử dụng trong trường hợp đưa dây lai không thành công.

6. Đối với tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 100m phải có một dây buộc tàu chuẩn bị sẵn sàng phía trước mũi để có thể kết nối với tàu lai trong tình huống khẩn cấp.

**Mục 6**

**AN TOÀN HÀNG HẢI**

**Điều 24. Yêu cầu chung về Bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển thuộc quản lý Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều:106, 108, 109, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

a) Việc neo đậu, cập cầu, cập mạn của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải bảo đảm an toàn theo quy định.

b) Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.

c) Khi hoạt động trong vùng nước cảng biển, tàu thuyền phải lưu ý đến chiều cao tĩnh không của các công trình qua sông hoặc vị trí cấm thả neo, rê neo theo Thông báo hàng hải. Trong mọi trường hợp, tàu thuyền không được hành trình phía dưới công trình qua sông, nếu tàu có chiều cao tĩnh không vượt quá giới hạn cho phép.

**Điều 25. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**

Ngoài thực hiện Phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ hàng hải Phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được phê duyệt hoặc trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt phương án đối với các trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai kéo có chiều dài đoàn lai tính từ mũi tàu lai đến điểm cuối cùng của đoàn lai vượt quá 120m khi đi qua cầu đường bộ Long Thành hoặc cầu đường bộ Nhơn Trạch; 150 m khi qua cầu đường bộ Phước An vào các bến cảng khu vực cụm cảng Gò Dầu, các khu vực khác vượt quá 200m.

2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố ô nhiễm dầu tràn, diễn tập an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải tại khu vực.

3. Khi tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu thuyền bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

4. Khi tiến hành hạ thủy tàu thuyền từ các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền.

**Điều 26. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển thuộc quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai ngoài tuân thủ theo Điều 107, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan thì phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo quy định và các yêu cầu sau đây:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

2. Nghiêm cấm hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong quá trình sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo huỷ bỏ các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

**Điều 27. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải**

Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, tàu thuyền và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế;

2. Thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình;

3. Thực hiện quy định của Bộ Giao thông vận tải về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

4. Trường hợp không thông báo cho Cảng vụ hàng hải về sự cố, tai nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển. Tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

**Điều 28. Phòng, chống cháy, nổ**

Các tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh tại các Điều 113 và 114, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thì cần phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển theo quy định;

2. Tàu thuyền chỉ được tiến hành sửa chữa máy chính hoặc tiến hành các công việc có phát ra tia lửa tại cảng biển sau khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận;

3. Tàu thuyền chỉ được tiến hành chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hoá nguy hiểm khác tại khu chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền quy định và theo chỉ định cụ thể của Giám đốc Cảng vụ hàng hải. Việc chuyển tải xăng dầu quy định tại khoản này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

4. Tùy từng trường hợp, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định các điều kiện cần thiết liên quan đến việc chuyển tải các loại hàng hóa nguy hiểm khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

5. Khi xảy ra sự cố cháy nổ trong phạm vi vùng nước cảng, thuyền trưởng và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải biết, phối hợp xử lý.

**Mục 7**

**AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 29. Bảo đảm an ninh hàng hải**

1. Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu thuyền và cảng biển (ISPS Code) và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Cấp độ an ninh cảng biển được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật tại website <http://www.cangvuhanghaidongnai.gov.vn>.

**Điều 30. Lao động hàng hải**

Tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006, Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

**Mục 8**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 31. Bảo vệ môi trường tại cảng biển**

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Việc chuyển tải dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm độc hại khác chỉ được thực hiện tại vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định, trong điều kiện bảo đảm an toàn và thời tiết phù hợp. Khi thực hiện phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn bơm, chuyển hàng hóa và phải có phương tiện, trang thiết bị ứng cứu sự cố dầu, hóa chất tràn, phòng chống cháy nổ phù hợp thường trực tại vị trí làm hàng.

2. Chất thải thu gom từ các hoạt động phát sinh từ tàu thuyền (sửa chữa, vệ sinh...) phải được thu gom, phân loại và tập trung tại các bãi thải hoặc kho chứa phù hợp theo quy chuẩn, có thiết bị che chắn nhằm tránh thẩm thấu, khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước.

3. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

**Điều 32. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền**

Các tàu thuyền khi neo đậu tại cảng phải thực hiện nghiêm các yêu cầu sau:

- Phải đóng tất cả các lô thoát nước trên mặt boong khi nhận, trả hàng hòa là dầu, hóa chất hoặc khi nhận nhiên liệu, khi bơm xử lý chất thải lỏng từ tàu thuyền;

- Van xả thiết bị 15 phần triệu phải được niêm phong;

- Các tàu thuyền từ 100m trở lên phải có dây lai kéo khẩn cấp với loại dây phù hợp sẵn sàn ở mạn ngoài;

- Không được xả trực tiếp xuống khu nước cảng nước dằn tàu hoặc các loại nước thải khác trừ nước làm mát;

- Rác thải, nước thải phải được phân loại, lưu giữ và chuyển lên cảng, cơ sở thu gom theo quy định.

**Điều 33. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền**

Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ vệ sinh tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc đổ rác, xả nước thải và nước dằn tàu theo quy định tại Điều 117, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển của Bộ Giao thông vận tải và các yêu cầu sau đây:

1. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được đựng trong thùng chứa chuyên dụng để thu gom. Việc thu gom phải được tiến hành hàng ngày đối với tàu khách, hai ngày một lần đối với tàu hàng, trừ trường hợp có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng trên tàu và 4 ngày đối với các phương tiện thủy nội địa hoạt động tại cảng biển;

2. Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ hoặc tàu chuyên dùng theo quy định;

3. Tàu thuyền có nhu cầu thanh thải, tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển nước lẫn dầu, cặn dầu, nước dằn tàu, chất thải rắn hoặc các loại chất thải nguy hại khác phải khai báo với Cảng vụ tại Bản khai chung khi tàu đến cảng và chỉ thực hiện khi được Cảng vụ chấp thuận;

4. Các hoạt động liên quan đến quản lý, tiếp nhận, trao đổi, thanh thải nước dằn tàu từ tàu thuyền tại cảng biển thực hiện theo quy định.

**Điều 34. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Các tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh tại các Điều: 116, 118, 119, Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thì cần phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

2. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được phân loại và đựng trong thùng chứa chuyên dụng để thu gom. Trường hợp có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng trên tàu thì phải áp dụng theo công ước và có ghi nhật ký;

3. Các doanh nghiệp cảng có trách nhiệm cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác khi tàu thuyền hoạt động tại bến cảng. Trong trường hợp không thực hiện phải có danh sách các đơn vị thu gom rác;

4. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại;

5. Xưởng đóng mới, sửa chữa, lên đà tàu thuyền (*nếu hoạt động*) có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (sau khi gửi các cơ quan có thẩm quyền).

**Mục 9**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

**Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Bố trí hoa tiêu dẫn tàu theo kế hoạch điều động tàu do Cảng vụ hàng hải lập;

2. Thông báo kịp thời cho hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải cung cấp và những thay đổi nếu có;

3. Cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

**Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao**

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 67, Điều 113, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Trước khi tiến hành xây dựng, nâng cấp cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư gửi Cảng vụ hàng hải bản sao chụp các giấy tờ sau: Quyết định đầu tư xây dựng công trình; Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; Hồ sơ thiết kế và các tài liệu quy định liên quan khác để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định;

2. Sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng hoặc khu nước, vùng nước, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải các giấy tờ liên quan theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 và Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và hồ sơ hoàn công (bao gồm tập bản vẽ) để tổ chức quản lý theo quy định;

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 1 hàng năm, báo cáo Cảng vụ hàng hải về điều kiện khai thác cảng (thông số kỹ thuật cầu cảng, các yêu cầu hạn chế khác) và công bố cho chủ tàu, các bên liên quan biết;

4. Thông báo cho thuyền trưởng, đại lý tàu về thông số kỹ thuật của cầu cảng và các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình cập rời cầu ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu thuyền vào bến cảng, bến phao;

5. Trong thời gian điều động tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cẩu bờ không được đưa ra vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cẩu phải đưa ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định;

6. Đối với các tàu phải áp dụng thêm các biện pháp hỗ trợ theo Phương án đảm bảo an toàn khi ra, vào cầu cảng, bến phao, doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thông báo cho thuyền trưởng, đại lý các biện pháp hỗ trợ bổ sung ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu;

7. Bố trí công nhân buộc, cởi dây và xếp dỡ hàng hóa đã qua đào tạo, có chứng chỉ chuyên môn và được trang bị bảo hộ lao động phù hợp. Tổ trưởng trực tiếp phụ trách các công nhân buộc, cởi dây tại cầu cảng phải được trang bị VHF cầm tay để bảo đảm việc liên lạc, trao đổi với Thuyền trưởng tàu thuyền liên quan và phải được thông báo rõ về kế hoạch, cách thức buộc, cởi dây để chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu vào hoặc rời bến cảng;

8. Thực hiện lập, phê duyệt và thực hiện bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo trì công trình hàng hải và các quy định có liên quan khác;

9. Cung cấp cho Cảng vụ hàng hải bộ hồ sơ kết quả khảo sát sau khi hoàn tất khảo sát vùng nước định kỳ và lập thông báo hàng hải về độ sâu vùng nước theo quy định;

10. Tổ chức tiếp nhận hoặc niêm yết các doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận rác thải, chất thải lẫn dầu, nước dằn tàu tại cảng biển hoạt động tại khu vực cảng mình quản lý, khai thác;

11. Tùy từng loại cảng, công năng cảng mình khai thác, doanh nghiệp cảng phải có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

12. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

13. Có trách nhiệm kê khai, công bố và niêm yết giá theo quy định;

14. Khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp vào khu vực, chủ doanh nghiệp cảng phải:

a) Tổ chức lực lượng thường trực 24h/24h. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ tàu thuyền, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở…;

b) Thông báo thông tin về diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và yêu cầu tàu thuyền neo đậu tại cảng chủ động tìm vị trí neo đậu, trú ẩn an toàn.

**Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị Thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Nội quy cảng biển và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ hàng hải.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ hàng hải và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo về an toàn đối với Thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu thuyền trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu thuyền và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Khi bố trí mới, thuyên chuyển hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đại lý viên, doanh nghiệp chủ quản phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển có đính kèm bản sao y chứng chỉ của đại lý viên.

5. Thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng.

6. Thực hiện các khai báo theo quy trình thủ tục điện tử theo quy định.

7. Có trách nhiệm kê khai, công bố và niêm yết giá theo quy định.

**Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải biển và điều kiện kinh doanh lai dắt tàu biển, kinh doanh đại lý tàu biển tại Việt Nam, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển**

1. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 5 tháng kế tiếp) báo cáo Cảng vụ hàng hải tình hình hoạt động của các tàu lai hoạt động trong vùng nước cảng biển thuộc quản lý Cảng vụ Hàng hải.

2. Chậm nhất 16 giờ hàng ngày, thông báo về kế hoạch lai hỗ trợ của ngày kế tiếp cho Cảng vụ hàng hải (Nội dung thông báo gồm: tên tàu lai; công suất; tên và chiều dài tàu thuyền được lai hoặc trọng tải toàn phần nếu tàu thuyền được lai là sà lan không tự hành; vị trí, thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ). Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung chậm nhất 02 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp hoặc hủy bỏ dịch vụ.

3. Việc cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ tàu rời/cập cầu cảng hoặc quay trở, di chuyển vị trí trong phạm vi vùng nước trước bến cảng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Nội quy cảng biển về công suất, số lượng tàu lai.

4. Thực hiện nghĩa vụ về phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

5. Có trách nhiệm kê khai, công bố và niêm yết giá theo quy định.

**Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải ngoài thực hiện theo quy tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải về thu gom chất thải từ tàu thuyền và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan thì doanh nghiệp thực hiện nội dung sau:

Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/05 và 15/12 hàng năm) tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng và danh sách bến phao, bến cảng, khu neo được cung ứng dịch vụ.

**Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải**

1. Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước có trách nhiệm:

a) Bảo đảm các báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố.

b) Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch phải tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

c) Kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch;

- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch các báo hiệu hàng hải;

- Các thông tin cần thiết khác.

d) Cung cấp cho Cảng vụ hàng hải bình đồ đo sâu thể hiện kết quả khảo sát, đo đạc độ sâu luồng, thủy diện cảng, vùng neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải do đơn vị mình tổ chức thực hiện.

e) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ công trình hàng hải; lập, phê duyệt và thực hiện bảo trì công trình hàng hải theo quy định.

g) Hàng quý, khi gửi báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cục Hàng hải Việt Nam quy định tại Điều 42, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (theo Mẫu số 17 quy định tại phụ lục ban hành kèm Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), sao chụp gửi Cảng vụ hàng hải 01 bản để kiểm tra hoạt động của báo hiệu.

**Mục 10**

**CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải** **Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai**

Thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý hoạt động hàng hải giữa Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Tp. Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai ký ngày 12/6/2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 43. Phối hợp giữa Cảng vụ hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy chế phối hợp đã ký giữa Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng biển và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**MỤC 11**

**CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC**

**Điều 44. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự**

Thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 45. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh**

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế Quốc tế biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

2. Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng, cách ly giám sát dịch bệnh hoặc các hoạt động kiểm dịch khác tại các vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trước và trong khi tiến hành phải trưng đèn hoặc treo cờ, dấu hiệu cảnh báo theo quy định, đồng thời phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực của tàu thuyền neo đậu.